

Số: 159.../QyĐ-CN

Sóc Trăng, ngày 27 tháng 6 năm 2017

QUY ĐỊNH

Về việc áp dụng giá nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước

- Căn cứ Quyết định số 89/QĐ.HC.04 ngày 28/01/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt Quy định quản lý chuyên ngành dịch vụ cung cấp nước máy của Công ty Cấp nước Sóc Trăng;

- Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phê duyệt phương án giá nước sạch Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng,

Nhằm giúp các xí nghiệp cấp nước trực thuộc có cơ sở thực hiện, Công ty TNHH MTV Cấp nước Sóc Trăng ban hành quy định về việc áp dụng giá nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước như sau:

I. QUY ĐỊNH GIÁ NƯỚC

1. Giá nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt

- Áp dụng đối với đối tượng khách hàng sử dụng cho mục đích sinh hoạt, cụ thể như sau:

+ Hộ gia đình;

+ Trại trẻ mồ côi, nhà tình thương;

+ Cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng thương bệnh binh, người có công với cách mạng, người tàn tật;

+ Các nhà trọ học sinh, sinh viên, người lao động thuê ở.

- Không áp dụng định mức, tính giá nước sinh hoạt có lũy tiến theo 4 mức.

2. Giá nước sạch dùng cho cơ quan hành chính, sự nghiệp

- Áp dụng đối với đối tượng khách hàng sử dụng cho mục đích sinh hoạt, cụ thể là các đơn vị như sau:

+ Ủy ban nhân dân các cấp, Sở, Ban, Ngành, tổ chức tôn giáo;

+ Văn phòng đại diện nước ngoài tính chất hành chính sự nghiệp;

+ Quân đội, cơ quan Công an, Hội, Đoàn;

+ Nhà trẻ, các trường mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dân tộc nội trú, dạy nghề, cao đẳng...;

+ Cơ sở hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, công viên, khu vui chơi giải trí phục vụ mục đích công cộng;

+ Bệnh viện, phòng khám bệnh, cơ sở y học cổ truyền, cơ sở cai nghiện, văn phòng Luật sư...;

- + Văn phòng làm việc của các ngân hàng, kho bạc Nhà nước, tổ chức kinh tế, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế;
- + Nhà khách, nhà nghỉ của các ban, ngành trung ương và địa phương;
- + Trung tâm thương mại, chợ, siêu thị.
- Sử dụng cho mục đích tưới cây các công viên, cây xanh công cộng.
- Không áp dụng định mức khi tính giá nước sạch dùng cho cơ quan hành chính, sự nghiệp.

3. Giá nước sạch dùng cho cơ sở sản xuất

- Áp dụng với đối tượng đối với đối tượng khách hàng sử dụng cho mục đích sản xuất, cụ thể là các cơ sở như sau:
 - + Công ty, nhà máy, xí nghiệp sản xuất hàng hóa công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm công nghiệp...;
 - + Cơ sở chế biến thực phẩm: Bánh mì, bánh pía, lò bún, kẹo...;
 - + Cơ sở sản xuất nước đá, nước uống đóng chai, kem, rượu bia, nước giải khát các loại...;
 - + Cơ sở sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng.
- Các công trình sử dụng nước máy trong thi công.
- Ngoài trường hợp sử dụng nước cho các công trình thi công, các trường hợp còn lại được hưởng định mức $4m^3$ /người/kỳ hóa đơn. Lượng nước tiêu thụ trong định mức tính giá sinh hoạt có lũy tiến, ngoài định mức tính giá nước sạch dùng cho cơ sở sản xuất.

4. Giá nước sạch dùng cho cơ sở kinh doanh, dịch vụ

- Áp dụng đối với đối tượng khách hàng sử dụng nước cho mục đích kinh doanh và dịch vụ, cụ thể là các đơn vị như sau:
 - + Các nhà hàng, nhà tiệc, karaoke, khách sạn ...
 - + Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát;
 - + Các cơ sở chăm sóc sắc đẹp, thẩm mỹ, massage, spa ...
 - + Dịch vụ rửa xe và các hình thức kinh doanh, dịch vụ khác sử dụng nước máy trực tiếp cho hoạt động kinh doanh, dịch vụ.
- Khách hàng được hưởng định mức $4m^3$ /người/kỳ hóa đơn. Lượng nước tiêu thụ trong định mức tính giá sinh hoạt có lũy tiến, ngoài định mức tính giá nước sạch dùng cho kinh doanh, dịch vụ.

5. Giá nước sạch dành cho Khu công nghiệp

Các công ty, cơ sở sản xuất trong Khu công nghiệp An Nghiệp thuộc đối tượng áp giá nước dùng cho cơ sở sản xuất.

* Trường hợp thuê nhà của các tổ chức, cá nhân làm trụ sở, văn phòng, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ thì áp dụng giá nước theo mục đích hoạt động của bên thuê nhà.

II. QUY ĐỊNH ĐỊNH MỨC

1. Đối với hộ khách hàng thuộc đối tượng sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thì được hưởng định mức nước sinh hoạt. Định mức sinh hoạt $4\text{m}^3/\text{người}/\text{kỳ}$ hóa đơn và chỉ được xác định trên theo số hộ khẩu và số tạm trú tại địa điểm kinh doanh. Trường hợp nhiều hộ gia đình sử dụng chung một đồng hồ nước thì tính định mức các nhân khẩu sử dụng chung cho khách hàng đứng tên hợp đồng.

2. Đối với các hộ khách hàng, các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nếu có giấy phép kinh doanh thì căn cứ vào mục đích sử dụng nước và áp giá nước theo các quy định nêu trên.

3. Trường hợp các hộ khách hàng thuộc đối tượng áp giá kinh doanh, dịch vụ nhưng kinh doanh nhỏ lẻ (*thuộc diện không cần phải đăng ký kinh doanh theo Nghị định 39/2007/NĐ-CP*) và địa điểm kinh doanh không có bảng hiệu, trong hẻm nhỏ, bình quân tiêu thụ dưới $30\text{m}^3/\text{kỳ}$ hóa đơn thì được xem xét áp dụng giá nước sinh hoạt.

* Khách hàng có nhu cầu thay đổi mục đích sử dụng nước đã đăng ký thì phải đăng ký lại hoặc đăng ký bổ sung với đơn vị cấp nước để có cơ sở tính đúng giá nước theo quy định, phù hợp với mục đích sử dụng nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trong quá trình thực hiện việc áp dụng giá nước sạch cho các đối tượng sử dụng nước, các xí nghiệp cấp nước địa phương cần phải tuân thủ quy định đã ban hành, các trường hợp thủ tục phát sinh mới thì khi xử lý, giải quyết phải xin ý kiến và có sự đồng ý của Ban Tổng giám đốc công ty.

Các phòng nghiệp vụ có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi các đơn vị thực hiện và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với thực tế.

Quy định này được áp dụng tại các Xí nghiệp cấp nước địa phương, phòng chuyên môn liên quan và có hiệu lực kể từ ngày 27/6/2017.

Mọi quy định trước đây trái với những quy định này đều bãi bỏ./.

Nơi nhận:

- Ban Tổng Giám đốc, các phòng, xí nghiệp;
- Niêm yết thông báo và trang thông tin điện tử nội bộ;
- Lưu: VT, KD.



Đặng Văn Ngọ